

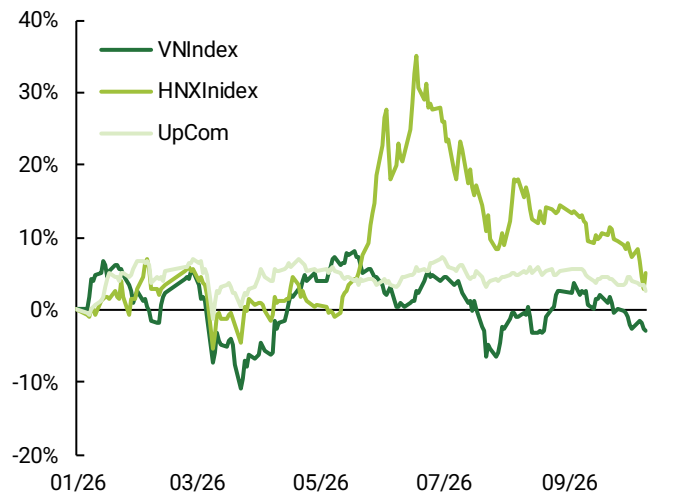
VN-Index **1735.09 (-0.22%)**
985 Tr. cổ phiếu 27651.5 Tỷ VND (72.56%)

HNX-Index **261.6 (2.10%)**
70 Tr. cổ phiếu 1038.8 Tỷ VND (15.75%)

UPCOM-Index **124.24 (-0.77%)**
38 Tr. cổ phiếu 556.4 Tỷ VND (-5.46%)

VN30F1M **1877.20 (-0.16%)**
273,544 HD OI: 26,771 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1735.1, giảm 3.9 điểm (-0.22%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên bán. Đà giảm ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số kết phiên giằng co dù thanh khoản tăng mạnh. Nhóm vốn hóa lớn tiếp tục gây sức ép lên đà giảm, trong bối cảnh dòng tiền gia tăng sự phân hóa.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: TCB (+1.4%), VPB (+1.5%), HDB (+3.9%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+0.4%), HVN (+0.7%), VPL (+0.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: SBG (+1.8%), GEX (+2.1%), GEE (+2.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.8%), BCM (-2.2%), VPI (-1.9%) | Dầu khí: BSR (-3.0%), PLX (-0.7%), PVD (-0.3%) | Tiện ích: GAS (-1.6%), REE (-1.2%), NT2 (-0.7%) | Công nghệ: ELC (-4.7%), FPT (-3.0%), CMG (-1.7%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | HDB, VPB, TCB, VHM, CTG - Chiều giảm | VIC, BSR, GVR, FPT, GAS.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 9700 tỷ đồng, tập trung nhiều ở MCH, HDB, FPT, trong khi mua ròng VHM, SHB, NVL.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Spinning Top giằng co, sức ép từ nhóm vốn hóa lớn tiếp tục cản trở đà phục hồi. Diễn biến trên mặt bằng cổ phiếu cũng kém hơn khi đã phân hóa theo hướng tích cực dần thu hẹp. Điều này cho thấy áp lực điều chỉnh từ thị trường chung đang lan dần sang cổ phiếu riêng lẻ. Về mặt kỹ thuật, chỉ số cần lấy lại ngưỡng 1755 điểm để củng cố kỳ vọng phục hồi. Nếu chưa thể vượt được mốc này, áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế và gia tăng khả năng kiểm định ngưỡng tâm lý 1700 điểm. Trong trường hợp ngưỡng này tiếp tục bị xuyên thủng, vùng 1650 điểm (tương ứng đáy tháng 7), sẽ là ngưỡng hỗ trợ cần chú ý tiếp theo.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số phục hồi trở lại trên ngưỡng kỹ thuật 260 điểm. Dù vậy, vận động đang chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động ở mã THD, do đó, rung lắc mạnh khả năng vẫn tiếp diễn.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh tín hiệu ngắn hạn chưa cải thiện, nhà đầu tư nên thận trọng với các vị thế mua mới và ưu tiên cơ cấu danh mục. Tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế ở những mã đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, trong khi chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng. Tỷ trọng danh mục tổng thể nên giữ ở mức trung bình. Nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Bán lẻ, Vận tải-Cảng, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,735.1 ▼	-0.2%	-0.2%	-5.0%	27,651.5 ▲	72.6%	43.8%	89.6%	984.5 ▲	33.6%	18.5%	73.5%				
HNX-Index	261.6 ▲	2.1%	-1.9%	-6.4%	1,038.8 ▲	15.8%	72.8%	51.4%	70.1 ▲	16.4%	78.3%	62.0%				
UPCOM-Index	124.2 ▼	-0.8%	-1.3%	-2.4%	556.4 ▼	-5.5%	-8.4%	6.5%	37.6 ▲	18.5%	-1.0%	-6.5%				
VN30	1,873.4 ▼	-0.2%	-0.1%	-4.8%	20,768.4 ▲	128.3%	102.2%	119.4%	468.2 ▲	68.9%	39.8%	70.8%				
VNMID	1,804.2 ▬	0.3%	-0.3%	-5.7%	5,835.3 ▲	2.1%	-18.5%	42.6%	367.1 ▲	19.5%	-1.3%	71.3%				
VNSML	1,222.3 ▼	-0.2%	0.0%	-1.5%	802.1 ▼	-12.8%	10.5%	4.1%	62.8 ▼	-24.9%	10.8%	-8.9%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	609.0 ▬	0.4%	-0.54%	-3.1%	5,579.1 ▲	21.6%	6.3%	6.0%	330.8 ▲	59.0%	30.1%	38.8%				
Bất động sản	958.6 ▼	-0.6%	-0.2%	-8.7%	4,582.6 ▲	81.5%	53.9%	59.5%	192.8 ▲	69.7%	52.7%	85.9%				
Dịch vụ tài chính	245.1 ▼	-0.1%	-2.5%	-12.7%	2,046.1 ▲	24.5%	23.9%	11.7%	129.1 ▲	30.8%	31.0%	21.6%				
Công nghiệp	236.9 ▬	0.9%	2.1%	6.0%	770.4 ▼	-26.3%	-18.9%	-28.3%	30.3 ▼	-31.2%	-18.8%	-26.4%				
Tài nguyên cơ bản	446.3 ▼	-0.3%	0.1%	-8.1%	480.5 ▲	34.1%	-6.5%	-13.2%	27.5 ▲	31.0%	-5.7%	-10.3%				
Xây dựng - Vật Liệu	150.8 ▼	-0.2%	0.4%	-1.9%	397.6 ▲	10.6%	7.5%	2.3%	26.4 ▲	14.7%	9.8%	7.9%				
Thực phẩm	495.7 ▼	-0.2%	2.3%	0.1%	10,494.2 ▲	917.8%	248.0%	601.6%	86.1 ▲	194.0%	116.3%	184.8%				
Bán Lẻ	1,456.3 ▼	-0.2%	2.7%	6.2%	624.5 ▼	-26.3%	-19.6%	-9.9%	8.2 ▼	-22.1%	-20.1%	-19.7%				
Công nghệ	344.0 ▼	-2.8%	-6.4%	-11.7%	730.7 ▲	58.9%	46.1%	42.4%	13.4 ▲	60.5%	23.1%	39.7%				
Hóa chất	171.8 ▼	-1.6%	0.9%	2.5%	382.5 ▼	-12.2%	5.8%	-2.7%	13.6 ▼	-13.8%	0.6%	-12.2%				
Tiện ích	747.5 ▼	-1.1%	0.5%	-1.9%	283.7 ▼	-5.8%	10.5%	-9.3%	13.4 ▲	11.7%	10.2%	-1.9%				
Dầu khí	120.0 ▼	-2.3%	2.5%	10.3%	739.4 ▼	-50.7%	-1.62%	-9.3%	24.4 ▼	-61.2%	-16.8%	-17.6%				
Dược phẩm	388.7 ▼	-0.1%	-0.1%	1.0%	19.9 ▼	-6.6%	-48.8%	-77.8%	1.0 ▼	-4.9%	-49.1%	-68.3%				
Bảo hiểm	116.4 ▼	-1.8%	0.6%	15.8%	53.6 ▼	-44.0%	-32.9%	-34.3%	0.9 ▼	-40.3%	-29.2%	-32.9%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,735.1 ▼	-0.22%	-2.8%	13.3x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,578 ▬	0.45%	25.2%	14.9x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,094 ▲	1.04%	-29.5%	13.5x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,099 ▬	0.57%	-1.7%	14.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,701 ▲	1.61%	-5.8%	8.4x	1.1x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,814 ▬	0.05%	-3.9%	16.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,211 ▲	1.79%	-5.5%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,031 ▼	-0.02%	37.1%	21.9x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,765 ▼	-0.47%	13.4%	26.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,232 ▬	0.10%	6.6%	22.4x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,552 ▲	1.06%	6.3%	14.5x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,189 ▲	1.02%	6.9%	16.6x	2.4x
DXV		102.1 ▼	-0.10%	3.9%		
USDVND		25,872 ▼	-0.228%	-1.6%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

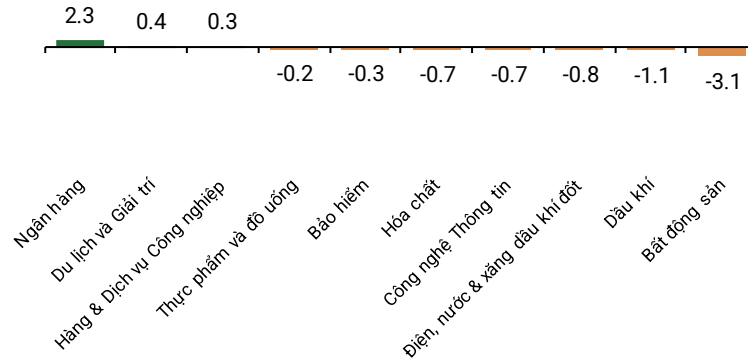
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.45%	1.5%	68.9%	57.6%
Dầu WTI	▼	-1.03%	-5.7%	57.7%	47.2%
Khí gas	▼	-1.1%	11.0%	-15.0%	-4.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	41.7%	41.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-2.4%	0.3%	-3.0%
PVC (*)	▬	0.8%	-1.3%	8.2%	4.8%
Phân Urea	▬	0.0%	1.5%	19.7%	15.6%
Cao su thiên nhiên	▲	2.2%	6.0%	47.2%	53.2%
Bông Cotton	▲	6.7%	-2.9%	26.5%	31.1%
Đường	▲	1.1%	10.7%	35.7%	25.3%
World Container Index	▼	-1.9%	-2.6%	96.6%	163.6%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.3%	159.5%	495.3%	627.7%
Vàng	▲	1.23%	-4.9%	-3.1%	5.2%
Bạc	▲	2.06%	-10.3%	-15.7%	22.5%

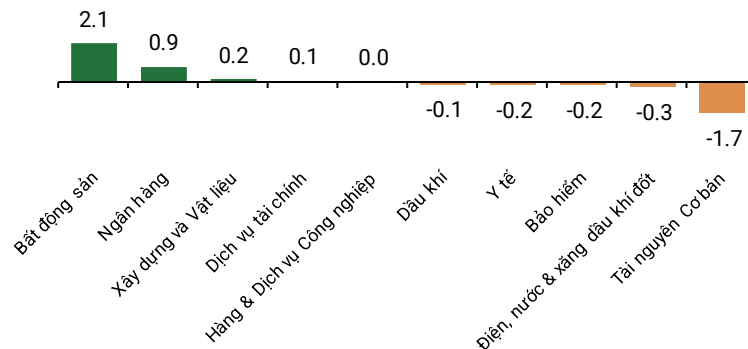
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.19 (VIX)	-0.18 (BCM)
+0.26 (VPL)	-0.20 (VCK)
+0.27 (GEE)	-0.22 (SSB)
+0.31 (MBB)	-0.24 (ACB)
+0.47 (NVL)	-0.26 (BVH)
+0.48 (CTG)	-0.65 (GAS)
+0.51 (VHM)	-0.70 (FPT)
+0.66 (TCB)	-0.83 (GVR)
+0.73 (VPB)	-0.99 (BSR)
+0.88 (HDB)	-4.03 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.03 (TKU)	-0.02 (OCH)
+0.05 (SHS)	-0.03 (HGM)
+0.06 (BAB)	-0.03 (BKC)
+0.07 (LHC)	-0.04 (SEB)
+0.10 (KSF)	-0.04 (TNG)
+0.13 (NTP)	-0.10 (PVS)
+0.13 (CEO)	-0.16 (DHT)
+0.14 (IDC)	-0.19 (PVI)
+0.82 (NVB)	-0.23 (DTK)
+1.74 (THD)	-1.69 (KSV)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

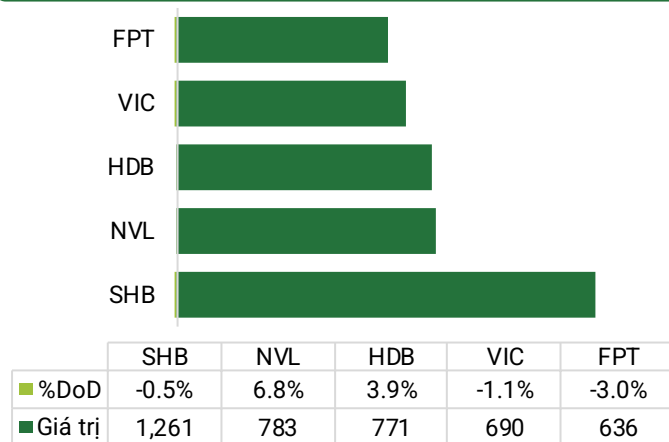
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+16 (DCM)	-22 (NLG)
+21 (VIB)	-29 (VPB)
+23 (DGW)	-30 (VIC)
+24 (PLX)	-31 (HPG)
+29 (STB)	-33 (FUESSVFL)
+48 (CTG)	-61 (VCI)
+65 (TCB)	-70 (ACB)
+78 (NVL)	-122 (FPT)
+123 (SHB)	-227 (HDB)
+162 (VHM)	-9594 (MCH)

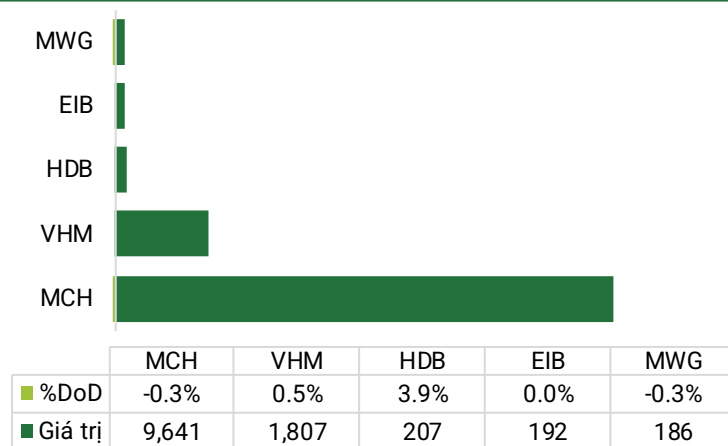
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (KSF)	-0.0 (L14)
+0.1 (VC3)	-0.0 (API)
+0.2 (VFS)	-0.1 (IDJ)
+0.3 (C69)	-0.1 (NVB)
+0.4 (VGS)	-0.2 (EVS)
+0.7 (DXP)	-0.3 (HUT)
+1.2 (IDC)	-0.4 (TNG)
+2.6 (NTP)	-3.4 (MBS)
+2.6 (MST)	-11.9 (CEO)
+10.3 (SHS)	-12.0 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

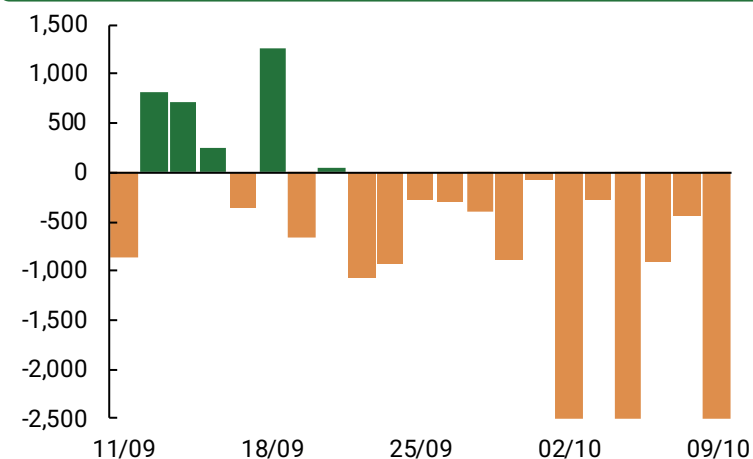


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

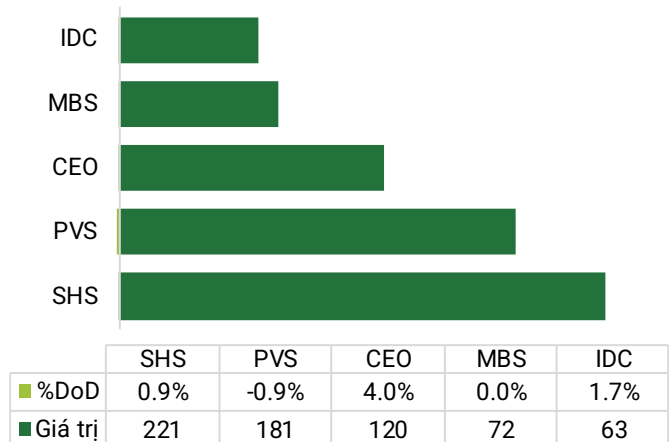


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

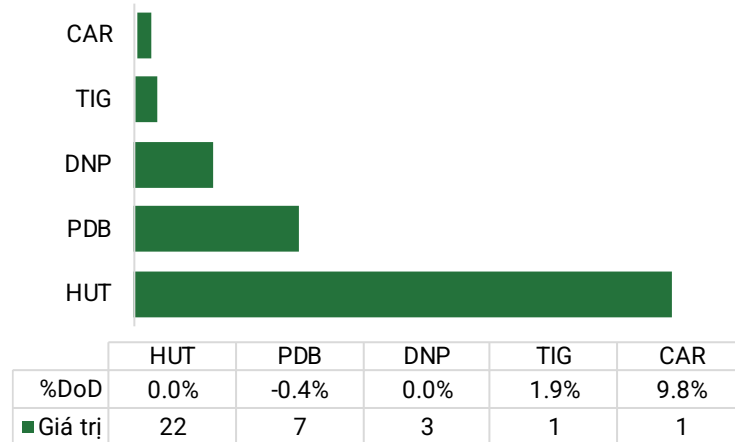
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



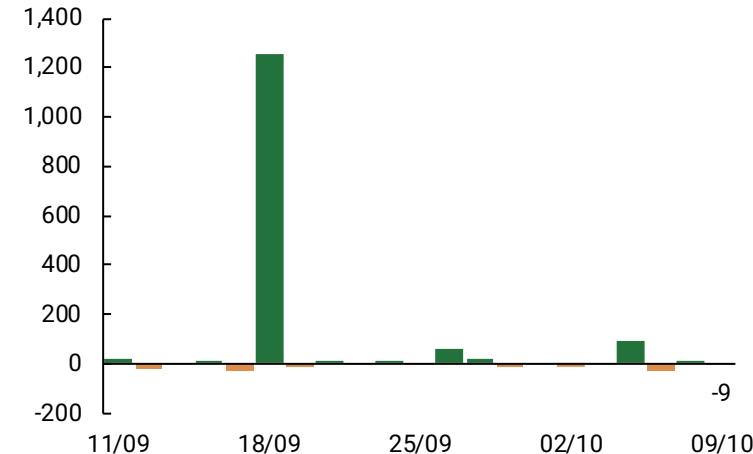
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning top, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1720.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1870.
- ✓ MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục thất bại trong nỗ lực phục hồi và vận dao động dưới ngưỡng 1750 điểm. Biến động ở nhóm vốn lớn có thể tiếp tục gây rung lắc mạnh. Nếu không sớm lấy lại ngưỡng 1750, áp lực giảm khả năng mở rộng về khu vực tâm lý 1700 điểm, và thấp hơn là mốc 1660 điểm. Kháng cự gần trong chiều hồi phục vẫn quanh vùng 1780 – 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1870
- ✓ Kháng cự: 1940 | 2000.
- ✓ MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số giằng co quanh ngưỡng kỹ thuật quan trọng 1870 điểm. Nếu mất mốc này, đã giảm khả năng mở rộng về mốc tâm lý 1800 điểm, tương ứng đáy tháng 7. Chiều ngược lại, chỉ số cần vượt và giữ được trên ngưỡng 1900 để củng cố kỳ vọng phục hồi.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	GVR	Mua	30/09/2026	-	32.85	32.7 - 33.3	-0.5%	36.5	10.6%	31	-6.1%	
2	PVS	Mua	08/10/2026	-	33.9	34 - 34.5	-1.0%	38	10.9%	32	-6.6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1877.2, giảm 3.0 điểm (-0.2%). Giá mở cửa quanh tham chiếu, tạo đáy ở phiên sáng rồi đi lên, đóng cửa giữa biên độ.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn nằm dưới đường signal trong khi RSI chưa thể phục hồi lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh còn chi phối. Dù vậy, giá đã có phản ứng kiểm định tốt quanh ngưỡng hỗ trợ 1875. Chiều Short chỉ nên cân nhắc khi tín hiệu phá vỡ đủ mạnh dưới ngưỡng 1874. Chiều Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1890.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1767, giảm 3.0 điểm (-0.2%). Độ lệch basis 0.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 108 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1760 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1780 điểm.

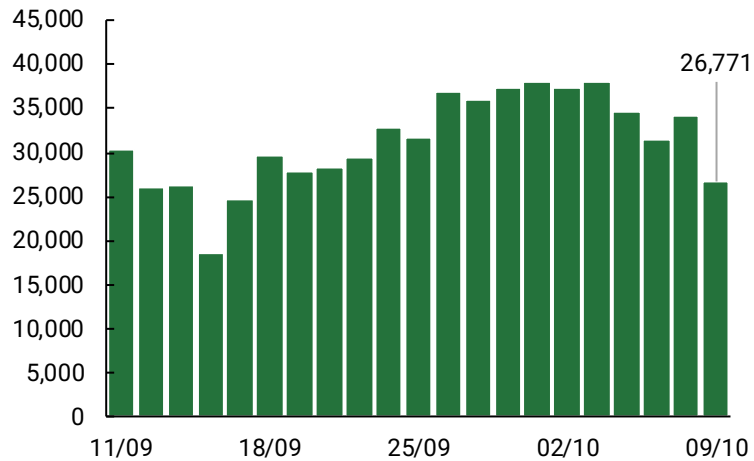
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1873	1860	1881	13 : 8
Long	> 1890	1905	1882	15 : 8

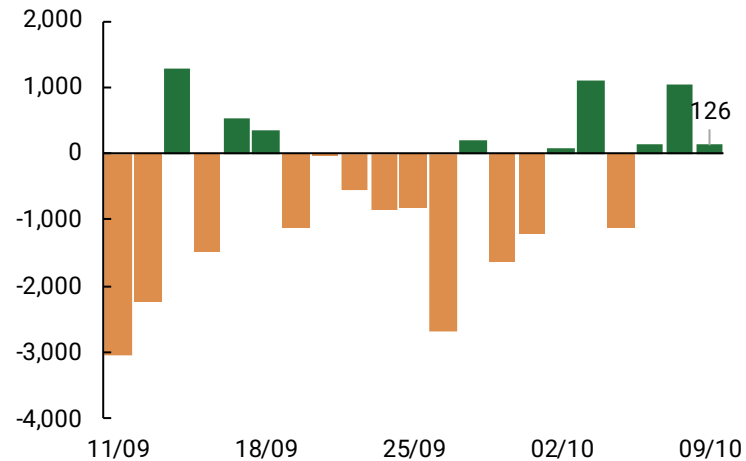
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,875.8	-1.1	25	383	1,887.5	-11.7	18/03/2027	160
4111GC000	1,876.2	-4.3	89	685	1,879.5	-3.3	17/12/2026	69
4111GB000	1,870.3	-7.1	681	2,391	1,877.0	-6.7	19/11/2026	41
4111GA000	1,877.2	-3.0	273,544	26,771	1,874.0	3.2	15/10/2026	6
4112GA000	1,767.0	-3.0	108	75	1,767.2	-0.2	15/10/2026	6

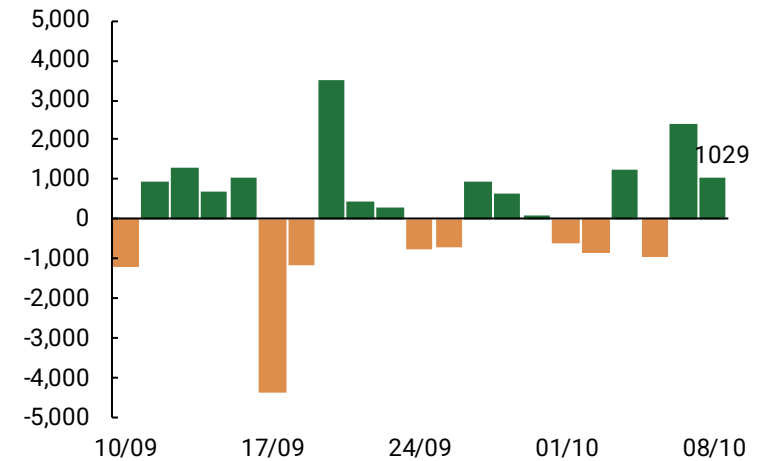
Khối lượng mở (Open interest)



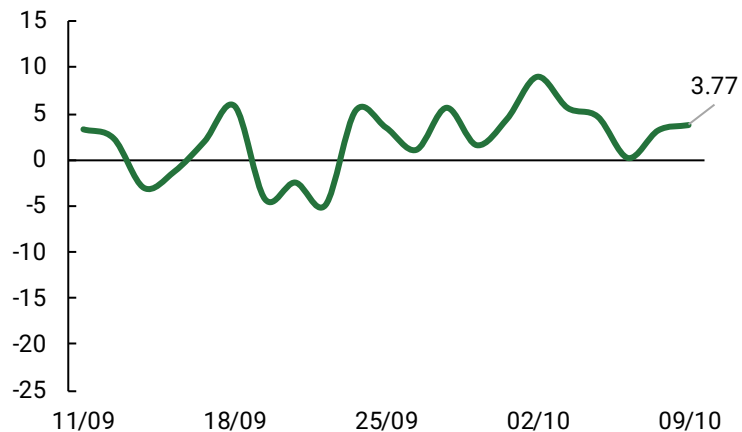
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



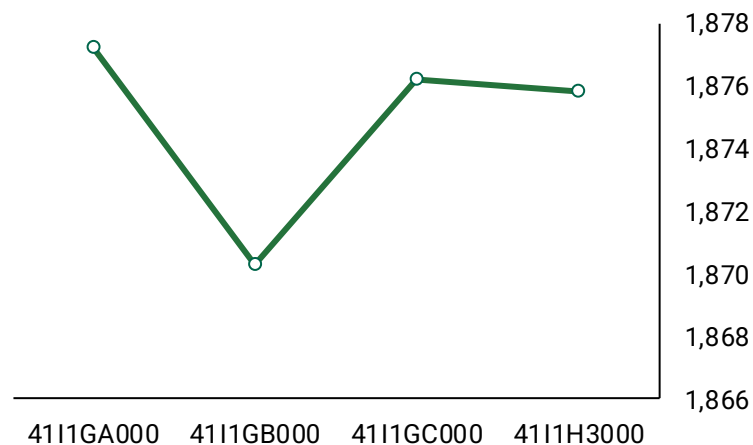
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



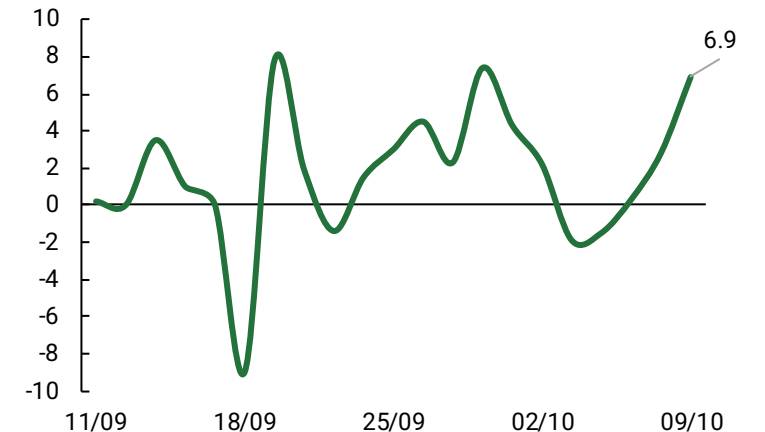
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

R&I nâng xếp hạng tín nhiệm Việt Nam lên BBB-, lần đầu vào nhóm Đầu tư: Ngày 8/10, tổ chức xếp hạng R&I (Nhật Bản) nâng xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành bằng ngoại tệ của Việt Nam từ BB+ (triển vọng Tích cực) lên BBB- (triển vọng Ổn định), lần đầu đưa Việt Nam vào nhóm xếp hạng Đầu tư. R&I đánh giá cao đà tăng trưởng, cải cách cơ cấu, tỷ lệ nợ công thấp và khả năng chống chịu nhờ thặng dư vãng lai cùng dòng vốn FDI ổn định.

Giá dầu thế giới bật tăng mạnh do lo ngại gián đoạn nguồn cung: Trong phiên 8/10, giá dầu Brent và WTI đồng loạt bật tăng mạnh khi rủi ro nguồn cung tại Trung Đông leo thang, cùng lúc bão Isaias khiến nhiều giàn khoan ở Vịnh Mexico phải tạm dừng hoạt động. Đà tăng phần nào thu hẹp sau khi Mỹ cho biết đang đàm phán hiệu quả với Iran, dù Bộ Tài chính Mỹ vẫn áp lệnh trừng phạt mới lên 17 tàu chở dầu của nước này.

FiinRatings: chi phí vốn dự kiến đi ngang trong quý 4/2026: FiinRatings dự báo NHNN nhiều khả năng giữ nguyên lãi suất điều hành và ưu tiên điều tiết qua công cụ thanh khoản. Đến cuối tháng 8, tăng trưởng tín dụng vẫn vượt huy động khoảng 1.4 điểm %, buộc các ngân hàng nâng lãi suất tiền gửi; coupon trái phiếu ngân hàng phát hành mới duy trì trên 8% từ tháng 3 và lên 8.5% vào tháng 7.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HDB - HDBank chốt quyền chia cổ tức và cổ phiếu thưởng tổng tỷ lệ 30%: Ngày 9/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25% và cổ phiếu thưởng tỷ lệ 5% của HDBank; cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 30 cổ phiếu mới. Riêng bà Nguyễn Thị Phương Thảo dự kiến nhận thêm khoảng 50.9 triệu cổ phiếu, nâng sở hữu trực tiếp lên khoảng 220.5 triệu cổ phiếu.

TPB - TPBank hoàn tất phát hành 416 triệu cổ phiếu trả cổ tức, vốn điều lệ lên hơn 31,900 tỷ đồng: TPBank đã phân phối hơn 416 triệu cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 15% cho 66,648 cổ đông, nâng vốn điều lệ từ 27,740 tỷ đồng lên hơn 31,900 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ thanh toán cổ tức tiền mặt 5% (khoảng 1,400 tỷ đồng) vào ngày 14/10 và còn kế hoạch phát hành 100 triệu cổ phiếu ESOP, đưa vốn điều lệ lên 32,900 tỷ đồng.

FPT - FPT mở rộng tại Nhật Bản, hướng tới doanh thu 1 tỷ USD tại thị trường này vào năm 2027: FPT Nhật Bản đưa vào vận hành văn phòng mới tại Nagoya, trung tâm công nghiệp ô tô của Nhật, với gần 400 nhân sự và mục tiêu nâng lên khoảng 1,000 người. Tập đoàn hiện có 17 văn phòng với hơn 5,500 nhân sự tại Nhật Bản và đặt mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD tại thị trường này vào năm 2027; song song mở rộng hợp tác tại châu Âu trong năng lượng, giao thông, logistics.

SBT - TTC AgriS đặt kế hoạch LNTT 956 tỷ đồng niên độ 2026–2027, chia cổ tức cổ phiếu 6%: SBT trình ĐHĐCĐ ngày 2/11 kế hoạch niên độ 2026–2027 với doanh thu hợp nhất 28,000 tỷ đồng và LNTT 956 tỷ đồng, cùng tăng gần 5% so với thực hiện niên độ trước (doanh thu 26,733 tỷ đồng, LNTT 911 tỷ đồng). Công ty dự kiến phát hành hơn 56 triệu cổ phiếu trả cổ tức niên độ 2025–2026 tỷ lệ 6%; với niên độ 2026–2027, kế hoạch cổ tức cho cổ đông phổ thông từ 5% đến 7% trên mệnh giá.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	31,050	31,150	0.3%	Nắm giữ
CTG	29,500	40,700	38.0%	Mua
CTD	62,300	82,900	33.1%	Mua
DBD	46,350	66,000	42.4%	Mua
DDV	17,193	35,900	108.8%	Mua
DGW	47,250	46,500	-1.6%	Giảm tỷ trọng
DPG	26,850	42,300	57.5%	Mua
DPR	37,650	46,500	23.5%	Mua
DRI	16,926	17,200	1.6%	Nắm giữ
EVF	11,300	14,400	27.4%	Mua
FRT	149,600	151,000	0.9%	Nắm giữ
GMD	55,000	92,400	68.0%	Mua
HAH	50,300	58,300	15.9%	Tăng tỷ trọng
HDG	14,600	30,900	111.6%	Mua
HHV	8,750	11,700	33.7%	Mua
HPG	20,100	28,700	42.8%	Mua
IMP	37,000	54,400	47.0%	Mua
KDH	13,400	35,300	163.4%	Mua
MCH	143,000	146,500	2.4%	Nắm giữ
MWG	75,900	115,600	52.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,050	27,500	44.4%	Mua
NLG	21,900	39,400	79.9%	Mua
NT2	22,850	27,700	21.2%	Mua
PHR	32,900	39,500	20.1%	Mua
PNJ	19,500	75,500	287.2%	Mua
PVS	33,900	33,250	-1.9%	Giảm tỷ trọng
PVT	25,200	26,000	3.2%	Nắm giữ
POW	12,450	17,500	40.6%	Mua
SAB	42,900	54,900	28.0%	Mua
SSI	19,000	31,200	64.2%	Mua
TLG	54,000	50,000	-7.4%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,350	41,700	28.9%	Mua
TCM	15,100	35,300	133.8%	Mua
TRC	25,000	22,950	-8.2%	Giảm tỷ trọng
VCB	56,700	79,700	40.6%	Mua
VPB	23,800	28,960	21.7%	Mua
VCG	13,650	23,300	70.7%	Mua
VHC	52,400	58,000	10.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	57,700	66,650	15.5%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415